

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý II năm 2009

### I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số đầu quý	Số cuối quý
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1163 243 553 276</b>	<b>1610 347 656 292</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	558 614 749 299	882 810 172 238
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	517 050 293 695	664 990 353 265
Các khoản phải thu ngắn hạn	75 428 873 147	53 904 750 771
Vật liệu công dụng tồn kho		
Tài sản lưu động khác	12 149 637 135	8 642 380 018
<b>Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>278 848 107 847</b>	<b>317 259 789 873</b>
Phải thu dài hạn		
Tài sản cố định	15 828 974 324	14 917 184 293
- TSCĐ hữu hình @	14 722 367 101	13 584 560 236
- TSCĐ thuê tài chính @		
- TSCĐ vô hình @	1 106 607 223	1 332 624 057
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang @		
Bất động sản đầu tư		
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 071 000 000	288 461 000 000
Tài sản dài hạn khác	12 948 133 523	13 881 605 580
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>1442 091 661 123</b>	<b>1927 607 446 165</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>371 020 922 082</b>	<b>764 977 033 126</b>
Nợ ngắn hạn	370 958 097 756	764 923 903 525
Nợ dài hạn	62 824 326	53 129 601
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1071 070 739 041</b>	<b>1162 630 413 039</b>
Vốn chủ sở hữu	1068 215 931 755	1159 878 720 753
- Vốn đầu tư chủ sở hữu @	451 500 000 000	451 500 000 000
- Thặng dư vốn cổ phần @	881 092 536 720	881 092 536 720
- Vốn khác của chủ sở hữu @		
- Cổ phiếu quỹ @		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản @		
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái @		
- Các quỹ @	28 644 358 196	28 644 358 196
- Lợi nhuận chưa phân phối @	-293 020 963 161	-201 358 174 163
- Nguồn vốn đầu tư XDCB @		
Nguồn kinh phí và quỹ khác @2	2 854 807 286	2 751 692 286
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi @	2 854 807 286	2 751 692 286
- Nguồn kinh phí đã hình thành từ TSCĐ @		
- Nguồn kinh phí @		
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>1442 091 661 123</b>	<b>1927 607 446 165</b>

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý này	Lũy kế từ đầu năm
<b>1</b>	<b>1. Tổng doanh thu</b>	<b>68 162 517 990</b>	<b>90 770 054 116</b>
	- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính	62 210 636 753	80 865 839 945
	- Doanh thu về đầu tư tài chính		
	- Doanh thu khác	5 951 881 237	9 904 214 171
<b>2</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>68 162 517 990</b>	<b>90 770 054 116</b>
<b>4</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>-23 496 513 008</b>	<b>-4 404 924 990</b>
	- Chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	-37 353 951 086	-31 701 706 189
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	13 857 438 078	27 296 781 199
	- Chi phí khác		
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ về hoạt động kinh doanh</b>	<b>91 659 030 998</b>	<b>95 174 979 106</b>
<b>6</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>12 000</b>	<b>179 070 178</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>- 3 746 000</b>	<b>781 500</b>
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3 758 000</b>	<b>178 288 678</b>
<b>9</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>91 662 788 998</b>	<b>95 353 267 784</b>
<b>10</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>11</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>91 662 788 998</b>	<b>95 353 267 784</b>
<b>12</b>	<b>Thu nhập trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>2 030</b>	<b>2 111</b>
<b>13</b>	<b>Cổ tức trên cổ phiếu</b>		

Ngày 15 tháng 7 năm 2009

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Vinh